

Soạn bài: Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ: Trung thực - Tự trọng

Câu 1 (trang 48 sgk Tiếng Việt 4): Tìm những từ cùng nghĩa và trái nghĩa với trung thực

Trả lời:

Nắm được ý nghĩa của trung thực với gợi ý của các từ cùng nghĩa, trái nghĩa đã cho, em sẽ tìm ra được các từ thuộc hai nhóm trên

a) Từ cùng nghĩa: ngay thẳng, ngay thật, chân thật, thật thà, thật lòng, thật bụng, thật tâm, ...

b) Từ trái nghĩa: gian dối, giả dối, dối trá, gian xảo, lừa đảo, lừa bịp, gian lận ...

Câu 2 (trang 48 sgk Tiếng Việt 4): Đặt câu với một từ cùng nghĩa và một câu với một từ trái nghĩa vừa tìm được với trung thực

Trả lời:

Em có thể đặt câu như sau:

a) Cậu cầm lấy món quà này đi, thật tâm của mình đây

b) Những kẻ giả dối rồi đây cũng sẽ bị lộ mặt.

Câu 3 (trang 49 sgk Tiếng Việt 4):

Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ tự trọng

a) Tin vào bản thân mình

b) Quyết định lấy công việc của mình

c) Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình

d) Đánh giá mình quá cao và coi thường người khác

Trả lời:

(C) Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình

Câu 4 (trang 49 sgk Tiếng Việt 4): Có thể dùng những thành ngữ, tục ngữ nào đã cho (SGK TV4 tập 1 trang 49) để nói về trung thực hoặc lòng tự trọng.

- a) Thẳng như ruột ngựa.
- b) Giấy rách phải giữ lấy lề.
- c) Thuốc đắng dã tật.
- d) Cây ngay không sợ chết đứng.
- e) Đói cho sạch, rách cho thơm.

Trả lời:

Nói về tính trung thực có: a,c,d

- Thẳng như ruột ngựa
- Thuốc đắng dã tật
- Cây ngay không sợ chết đứng

Nói về lòng tự trọng b,e

- Giấy rách phải giữ lấy lề
- Đói cho sạch rách cho thơm